

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:20/2020/DS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Đỗ Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Láng Hạ quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp Luật: Ông Tiết Văn Th - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng Kh – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L, tỉnh V (theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019).

- Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Công H - Giám đốc phòng giao dịch Triệu Đề, chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam huyện L (theo văn bản ủy quyền ngày 01/02/2021), có mặt.

Bị đơn:

1. Chị Triệu Thị Th, sinh năm 1984, có mặt

2. Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1983, vắng mặt

3. Ông Trần Văn K, sinh năm 1952, vắng mặt

4. Bà Lưu Thị L, sinh năm 1957, vắng mặt

Đều cư trú: Thôn K, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1981, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn K, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công H trình bày:

Ngày 19/6/2018 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Viết tắt Agribank) - phòng giao dịch Triệu Đề, chi nhánh huyện L, tỉnh V đã ký hợp đồng tín dụng số 2808- LAV - 201802237 với chị Triệu Thị Th (ông Trần Văn K, bà Lưu Thị L, và anh Trần Văn Ch ủy quyền cho chị Triệu Thị Th đứng ra ký kết hợp đồng tín dụng). Theo đó, Ngân hàng cho chị Th vay số tiền 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng), mục đích sử dụng tiền vay: Buôn bán hàng tạp hóa (nhưng không có giấy phép kinh doanh); phương thức cho vay: Từng lần; lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay là 10,5%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn 15,75%/năm, thời hạn trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 12; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 19/6/2018 đến ngày 19/6/2019.

Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số: 205205419/HĐTC/2017 ngày 01/6/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số: 273966170/PLHĐTC/2018 ngày 19/12/2018, tài sản thế chấp là: Thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11; diện tích 450m² cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 mái bằng diện tích 70m², xây dựng năm 2015, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số R601615 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 14/12/2000 đứng tên hộ ông Trần Văn K, địa chỉ: Khu 8, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho chị Th số tiền: 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng chị Triệu Thị Th đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không trả được lãi và gốc khi đến hạn. Khoản vay của chị Triệu Thị Th đã chuyển nợ quá hạn từ thời điểm: 24/6/2019. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc với vợ chồng chị Th, nhưng chị Th đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ lãi và trả gốc theo cam kết với Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị Th đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2021 số tiền gốc là: 56.544.500 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn năm trăm đồng), số tiền lãi là: 19.652.978 đồng. Nay ngân hàng yêu

cầu vợ chồng chị Th, anh Ch, ông K, bà L thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số: 2808- LAV - 201802237 ngày 19/6/2018 tổng số tiền là: 275.031.028đồng (Hai trăm bảy mươi năm triệu không trăm ba mươi một nghìn không trăm hai mươi tám đồng), cụ thể: Tiền nợ gốc: 188.455.500đồng; Tiền nợ lãi tính đến hết ngày 27/9/2021 là: 86.575.528đồng, trong đó lãi trong hạn là: 59.741.026đồng, lãi quá hạn là: 26.834.502đồng và lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 28/9/2021 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Trường hợp vợ chồng chị Th, anh Ch, ông K, bà L không trả hết nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11; diện tích 450m² (theo GCNQSDĐ diện tích đất là 450m² tuy nhiên qua đo đạc thẩm định tại chỗ diện tích sử dụng thực tế là 470.6m², ngân hàng đồng ý và chỉ đề nghị xử lý đối với diện tích đúng với diện tích trong GCNQSDĐ) cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 mái bằng diện tích 70m² và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất, GCNQSDĐ số R601615 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 14/12/2000 đứng tên hộ ông Trần Văn K, địa chỉ: Khu 8, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn chị Triệu Thị Th trình bày: Năm 2018, chị có đứng ra và thay mặt cả các thành viên trong gia đình ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Phòng giao dịch Triệu Đề số tiền 245.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm; mục đích vay để làm kinh tế gia đình. Khi ký kết xong hợp đồng tín dụng, chị đã nhận đủ số tiền 245.000.000đồng. Để đảm bảo khoản vay, gia đình chị có thể chấp Thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11; diện tích 450m² cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 70m², GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Trần Văn K, địa chỉ: Khu 8, xã Tr, huyện L, tỉnh V. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị đã nộp cho Ngân hàng tiền gốc, tiền lãi, nhưng cụ thể bao nhiêu chị không nhớ được. Sau đó, do kinh tế gia đình gặp khó khăn, gia đình không trả được lãi và gốc đúng hạn cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện gia đình chị, chị đồng ý trả hết số tiền gốc còn lại và số tiền lãi cho Ngân hàng, nhưng chị xin trả dần hàng tháng với số tiền từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng/ tháng. Nếu chị và các thành viên không trả được chị đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đồng bị đơn: Anh Trần Văn Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 14/6/2021 anh trình bày: Anh là chồng chị Th. Năm 2018, gia đình anh có ủy quyền cho chị Th vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn

Việt Nam - Phòng giao dịch Triệu Đề số tiền 245.000.000đồng. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm; mục đích vay để làm kinh tế gia đình. Để đảm bảo cho khoản vay, gia đình anh đã thế chấp 01 căn nhà cấp bốn diện tích 70m² và 450m² đất tại thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11 tại thôn K, xã Tr, huyện L, được cấp giấy chứng nhận đứng tên hộ ông Trần Văn K là bố anh. Quá trình thực hiện việc vay vốn, vợ chồng anh có chậm trả lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình anh trả lại cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại và lãi suất cùng các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay anh đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay gia đình anh khó khăn nên anh đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng anh trả dần mỗi tháng trả từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng. Nếu vợ chồng anh không trả được, anh đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ

Đồng bị đơn ông Trần Văn K và bà Lưu Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông K và bà L, anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Do chị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị Th cùng các thành viên trong gia đình gồm anh Ch, ông K, bà L phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2021 là: 275.031.028đồng (Hai trăm bảy mươi năm triệu không trăm ba mươi một nghìn không trăm hai mươi tám đồng), cụ thể: Tiền nợ gốc: 188.455.500đồng; Tiền nợ lãi tính đến hết ngày 27/9/2021 là: 86.575.528đồng, trong đó lãi trong hạn là: 59.741.026đồng, lãi quá hạn là: 26.834.502đồng và lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 28/9/2021 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu chị Th, anh Ch, ông K, bà L không thanh toán được số nợ trên cần xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu vợ chồng chị Triệu Thị Th, anh Trần Văn Ch, ông Trần Văn K, bà Lưu Thị L trả lại Ngân hàng toàn bộ số tiền

còn nợ lại theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 và Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa đồng bị đơn là anh Trần Văn Ch, ông Trần Văn K, bà Lưu Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Tr vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh Ch, ông K, bà L, anh Tr.

Xét về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều đúng quy định của pháp luật và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng pháp luật về hình thức và nội dung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo nội dung hợp đồng tín dụng số 2808 - LAV - 201802237 ngày 19/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Triệu Đề, chi nhánh huyện L, tỉnh V và chị Triệu Thị Th, chị Th đã vay của Ngân hàng số tiền 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay và giải ngân theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị Th đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không trả được đầy đủ nợ gốc, nợ lãi khi đến hạn. Ngày 19/6/2019 chị Th phải trả toàn bộ số nợ gốc là 245.000.000 đồng cùng lãi suất, nhưng thời điểm đó chị Th vẫn không trả cho Ngân hàng số tiền này nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ thời điểm: 24/6/2019. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở chị Th trả nợ nhưng chị Th vẫn không trả đầy đủ. Kể từ khi vay vốn cho đến nay, chị Th mới trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2021) là: 76.197.478 đồng, trong đó số tiền gốc là: 56.544.500 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn năm trăm đồng), số tiền lãi là: 19.652.978 đồng. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và chị Th, tuy nhiên các thành viên trong hộ gia đình gồm anh Ch, ông K, bà L có ủy quyền cho chị Th đứng ra vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Triệu Đề nên Ngân hàng khởi kiện cả anh Ch, ông K, bà L là có căn cứ. Như vậy, việc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu chị Th, anh Ch, ông K, bà L phải trả số nợ gốc còn lại và số lãi tính đến ngày 27/9/2021 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần buộc chị Triệu Thị Th, anh Trần Văn Ch, ông Trần Văn K, bà Lưu Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2021 là: 275.031.028 đồng (Hai trăm bảy mươi năm triệu không trăm ba mươi một nghìn không trăm hai mươi tám đồng), cụ thể: Tiền nợ gốc: 188.455.500 đồng; Tiền nợ

lãi tính đến hết ngày 27/9/2021 là: 86.575.528đồng, trong đó lãi trong hạn là: 59.741.026đồng, lãi quá hạn là: 26.834.502đồng và lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 28/9/2021 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phía bị đơn gồm chị Triệu Thị Th, anh Trần Văn Ch, ông Trần Văn K, bà Lưu Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Tr đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 205205419/HĐTC/2017 ngày 01/6/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số:205205419/PLHĐTC/2018 ngày 19/6/2018, tài sản thế chấp là: Thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11; diện tích 450m² cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 mái bằng diện tích 70m², xây dựng năm 2015, GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Trần Văn K, địa chỉ: Khu 8 (thôn K), xã Tr, huyện L, tỉnh V. Xét thấy, trong hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên tài sản thế chấp là diện tích đất là 450m² và 01 ngôi nhà cấp bốn 70m² (hiện trạng 74m²) xây dựng năm 2015. Nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất hiện trạng là 470.3m² (đại diện Ngân hàng đồng ý với diện tích đất trong GCNQSDĐ), trên đất ngoài ngôi nhà cấp bốn xây năm 2015 diện tích 74m² vợ chồng chị Th ở, còn có 01 ngôi nhà cấp bốn xây không chát diện tích 64,6m², 01 chuồng cạp (trồng lan) diện tích 21,5m² xây dựng năm 2021, 01 nhà tắm xây tường 10 diện tích 7,3m² xây dựng năm 2017; 01 chuồng trại chăn nuôi lợn blo xi măng 38,8m² làm năm 2018; 01 sân gạch đỏ làm năm 2018; 01 nhà bếp diện tích 35,7m² và 02 trụ cổng; 02 cánh cổng inox diện tích 6,9m² của vợ chồng chị Th. Theo quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ *Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Qua xem xét hợp đồng thế chấp hai bên không thỏa thuận khác, qua xác minh tại địa phương thì tất cả những tài sản trên đất của thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11 GCNQSDĐ số R601615 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 14/12/2000 đứng tên hộ ông Trần Văn K đều thuộc quyền sở hữu của anh Ch, chị Th, ông K, bà L và anh Tr. Vì vậy, những tài sản trên đất không nêu trong hợp đồng thế chấp gồm: có 01 ngôi nhà cấp bốn xây không chát diện tích 64,6m², 01 chuồng cạp (trồng lan) diện tích 21,5m² xây dựng năm 2021, 01 nhà tắm xây tường 10 diện tích 7,3m² xây dựng năm 2017, 01 chuồng trại chăn nuôi lợn blo xi măng 38,8m² làm năm 2018; 01 sân gạch đỏ làm năm 2018 diện tích 104,7m²; 01 nhà bếp diện tích 35,7m² và 02 trụ cổng; 02 cánh cổng inox diện tích 6,9m² đều được xử lý cùng tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp trên đảm bảo có hiệu lực của

hợp đồng tín dụng, do đó phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của chị Triệu Thị Th tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là tài sản hợp pháp của các thành viên trong gia đình gồm vợ chồng chị Th, anh Ch, vợ chồng ông K, bà L, anh Tr. Tất cả các thành viên trong gia đình đều ký kết vào hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp và đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng thế chấp đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Quang Minh và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L theo đúng quy định của pháp luật. Hiện tại, vợ chồng chị Th, anh Ch, vợ chồng ông K bà Lan đang ở và quản lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên. Do đó, trường hợp chị Th, anh Ch, ông K, bà L không trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu và cơ quan thi hành án có quyền xử lý các tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ.

Đối với đồng bị đơn là ông Trần K, bà Lưu Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Tr (thời điểm ông Kền được cấp GCNQSDĐ anh Tr có tên trong sổ hộ khẩu) đã nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông K, bà L, anh Tr biết việc Ngân hàng khởi kiện, biết mình được triệu tập nhưng cố tình vắng mặt thể hiện sự trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của ông K, bà L và không tôn trọng pháp luật của anh Tr.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã nộp tạm ứng: 5.000.000 đồng để xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, Tòa án đã chi phí hết số tiền 5.000.000 đồng. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc chị Th, anh Ch, ông K, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên chị Th, anh Ch, ông K, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ông K, bà L là người cao tuổi lẽ ra được miễn án phí nhưng ông bà không có đơn đề nghị miễn án phí nên ông bà vẫn phải chịu án phí). Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam đối với chị Triệu Thị Th, anh Trần Văn Ch, ông Trần Văn K, bà Lưu Thị L.

Buộc chị Triệu Thị Th, anh Trần Văn Ch, ông Trần Văn K, bà Lưu Thị L phải liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2021 là: 275.031.028đồng (Hai trăm bảy mươi năm triệu không trăm ba mươi một nghìn không trăm hai mươi tám đồng), cụ thể: Tiền nợ gốc: 188.455.500đồng; Tiền nợ lãi tính đến hết ngày 27/9/2021 là: 86.575.528đồng, trong đó lãi trong hạn là: 59.741.026đồng, lãi quá hạn là: 26.834.502đồng. Kể từ ngày 28/9/2021, chị Th, anh Ch, ông K, bà L tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 2808 - LAV- 201802237 ngày 19/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và chị Triệu Thị Th đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp chị Th, anh Ch, ông K, bà L không trả hết nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11; diện tích 450m² cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 74m²; 01 ngôi nhà cấp bốn xây không chất diện tích 64,6m²; 01 chuồng cạp (trồng lan) diện tích 21,5m²; 01 nhà tắm xây tường 10 diện tích 7,3m²; 01 chuồng trại chăn nuôi lợn blo xi măng 38,8m²; 01 sân gạch đỏ diện tích 104,7m²; 01 nhà bếp diện tích 35,7m² và 02 trụ cổng; 02 cánh cổng inox diện tích 6,9m², GCNQSDĐ số R601615 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 14/12/2000 đứng tên hộ ông Trần Văn K, địa chỉ: Khu 8 (thôn K), xã Tr, huyện L, tỉnh V để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị Th, anh Ch, ông K, bà L tiếp tục trả gốc, lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi hết nợ.

Chị Th, anh Ch, ông K, bà L phải trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

- Về án phí: chị Th, anh Ch, ông K, bà L phải chịu 13.752.000đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 7.050.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001757 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Trung Thành

Đặng Thị Liễu

Ngô Thị Minh Hiệp